

A. KIỂM TRA ĐỌC HIỂU – LUYỆN TỪ VÀ CÂU

Con chó nhà hàng xóm

1. Bé rất thích chó nhưng nhà Bé không nuôi con nào. Bé đành chơi với Cún Bông, con chó của bác hàng xóm. Bé và Cún thường nhảy nhót tung tăng khắp vườn.

2. Một hôm, mãi chạy theo Cún, Bé vấp phải một khúc gỗ và ngã đau, không đứng dậy được. Bé khóc. Cún nhìn Bé rồi chạy đi tìm người giúp. Mắt cá chân của Bé sưng to, vết thương khá nặng nên Bé phải bó bột, nằm bất động trên giường.

3. Bè bạn thay nhau đến thăm, kể chuyện, mang quà cho Bé. Nhưng khi các bạn về, Bé lại buồn. Thấy vậy, mẹ lo lắng hỏi :

- Con muốn mẹ giúp gì nào ?
- Con nhớ Cún, mẹ ạ !

4. Ngày hôm sau, bác hàng xóm dẫn Cún sang chơi với Bé. Bé và Cún càng thân thiết. Cún mang cho Bé khi thì tờ báo hay cái bút chì, khi thì con búp bê,... Bé cười, Cún sung sướng vẫy đuôi rồi rít. Thỉnh thoảng, Cún muốn chạy nhảy, nô đùa. Nhưng con vật thông minh hiểu rằng chưa đến lúc chạy đi chơi được.

5. Ngày tháo bột đã đến. Bác sĩ rất hài lòng vì vết thương của Bé đã lành hẳn. Nhìn Bé vuốt ve Cún, bác sĩ hiểu chính Cún đã giúp Bé mau lành.

Dựa theo nội dung bài đọc, trả lời các câu hỏi sau:

Câu 1. Bạn của Bé ở nhà là ai?

- a. Một chú mèo xinh xắn.
- b. Một chị gà mái hoa mơ.
- c. Cún Bông, con chó của bác hàng xóm.

Câu 2. Khi Bé bị thương, Cún đã giúp Bé như thế nào?

- a. Chạy lại đỡ Bé dậy.
- b. Chạy đi tìm người giúp Bé.
- c. Ngồi bên cạnh Bé an ủi.

Câu 3. Mặc dù bạn bè thay nhau đến thăm nhưng tại sao Bé vẫn buồn?

- a. Vì Bé không đi học được.
- b. Vì Bé nhớ Cún Bông.
- c. Vì Bé nhớ trường học.

Câu 4. Cún Bông đã làm gì cho Bé vui?

- a. Sang chơi với Bé
- b. Mang cho Bé: báo, bút chì, búp bê.
- c. Mang cho Bé trái cây: táo, nho, nhãn.
- d. Mang cho Bé nhiều bánh kẹo.

Câu 5. Câu nào dùng đúng từ “tung tăng”?

1. Các em nhỏ tung tăng đi ngủ.
2. Hai anh em nhảy nhót tung tăng khắp vườn.
3. Em bé vui đùa tung tăng trong bể bơi.

Câu 6. Tìm từ trái nghĩa với mỗi từ sau.

- | | |
|-----------------|-----------------|
| 1. nặng / | 4. chậm / |
| 2. to / | 5. buồn / |
| 3. xa / | 6. khỏe / |

B. KIỂM TRA CHÍNH TẢ - TẬP LÀM VĂN

Câu 1. Tìm tiếng thích hợp để điền vào chỗ trống.

Mẫu: **che** nắng – cây **tre**

- | | |
|---------------------------|------------------------|
| a. chưa uống – buổi | b. thịt mỡ - cửa |
| chăng dây – ông | vây cá - tay |
| râm mát – hoa bụi | đổ xanh - rác |
| chong chóng - ve | héo rũ - rê |
| | áo cũ - khoai |

Câu 2. Điền vần ao hoặc au vào chỗ trống.

a. Tháng bảy heo may, chuồn chuồn bay thì b.

b. Đêm nào s..... sáng xanh trời,

Ấy là nắng r..... yên vui suốt ngày.

c. Ăn trâu thì bỏ quên vôi

Ăn c..... bỏ hạt, nàg ơi hời nàg!

Câu 3. Kéo thả tiếng hoặc từ thích hợp vào giỏ.

núi

lũy tre

đen thui

nhụy hoa

rủi ro



chui

khuy áo

bụi

suy nghĩ

tàu thủy

Câu 4. Chọn các từ chỉ đồ dùng trong nhà bắt đầu bằng *ch*.

chăn

chiếu

gối

chổi

xoong

bát

chày

chảo

chén

đĩa

chậu

cốc

kim

chỉ

Câu 5. Điền *ch* hay *tr* vào chỗ trống?

Đèn khoe đèn tỏ hơnăng



Đèn raước gió cònăng hời đèn?

.....ăng khoeăng tỏ hơn đèn

Saoăng lại phảiịu luôn đám mây?